

Phụ lục VI

(Kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
PHẦN I: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TOÀN QUỐC			
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	500	
I.1	Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo	510	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng chỉ tiêu "Thặng dư/thâm hụt" (MS 420) trên Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo.
I.2	Điều chỉnh các khoản:	511	= MS 512 + MS 513 + MS 514 + MS 515 + MS 516 + MS 517 + MS 520.
	<i>Khấu hao, hao mòn</i>	512	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu "Chi phí Khấu hao, hao mòn" (MS 413) trên Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo và được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo".
	<i>(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư</i>	513	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các chỉ tiêu: + "Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước" (MS 404) trên Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo. + "Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác" (MS 542) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng kỳ báo cáo. Số liệu này được trừ vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo".

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			Trường hợp lãi thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn; trường hợp lỗ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số dương.
	<i>Chi phí lãi vay</i>	514	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các chỉ tiêu: + "Chi phí lãi vay" (MS 514) trên Báo cáo TCNN tỉnh. + "Lãi" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN, Vụ NSNN, Cục QLNN.
	<i>(Tăng)/Giảm hàng tồn kho</i>	515	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng cách lấy số dư cuối kỳ trừ đi số dư đầu kỳ của chỉ tiêu "Hàng tồn kho" (MS 140) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu số dư cuối kỳ nhỏ hơn số dư đầu kỳ; số liệu chỉ tiêu này được trừ vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu số dư cuối kỳ lớn hơn hoặc bằng số dư đầu kỳ. Trường hợp số dư cuối kỳ nhỏ hơn số dư đầu kỳ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số dương; trường hợp số dư cuối kỳ lớn hơn số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
	<i>(Tăng)/Giảm các khoản phải thu</i>	516	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng cách lấy số dư cuối kỳ trừ đi số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu "Các khoản phải thu ngắn hạn" (MS 130), "Các khoản phải thu dài hạn" (MS 200), "Tài sản ngắn hạn khác" (MS 160), "Tài sản dài hạn khác" (MS 250) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu tổng số dư cuối kỳ nhỏ hơn tổng số dư đầu kỳ; số liệu chỉ tiêu này được trừ vào

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			"Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu tổng số dư cuối kỳ lớn hơn hoặc bằng tổng số dư đầu kỳ. Trường hợp tổng số dư cuối kỳ nhỏ hơn tổng số dư đầu kỳ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số dương; trường hợp tổng số dư cuối kỳ lớn hơn tổng số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
	<i>Tăng/(Giảm) các khoản phải trả</i>	517	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng cách lấy tổng số dư cuối kỳ trừ đi tổng số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu "Các khoản phải trả ngắn hạn khác" (MS 297) và "Các khoản phải trả dài hạn khác" (MS 307) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo". Trường hợp tổng số dư cuối kỳ nhỏ hơn tổng số dư đầu kỳ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn; trường hợp tổng số dư cuối kỳ lớn hơn tổng số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số dương.
	<i>Các khoản điều chỉnh khác</i>	520	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng cách: - Tổng số dư cuối kỳ trừ đi tổng số dư đầu kỳ của chỉ tiêu "Tài sản thuần" (MS 310) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo. - Trừ đi tổng chênh lệch (cuối kỳ trừ đầu kỳ) của tài sản kết cấu hạ tầng, TSCĐ tại đơn vị, các khoản đầu tư, cho vay mà không phát sinh luồng tiền. - Trừ đi các khoản: "(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư" (MS 513), "Chi phí lãi vay" (MS 514), "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" (MS 510) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng kỳ báo cáo. Số liệu này được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu dương,

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			được trừ vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu âm và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
I.3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu (I.1 + I.2)	521	= MS 510 + MS 511. Nếu số liệu này là số âm thì được ghi trong ngoặc đơn.
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	540	
II.1	Tiền chi mua sắm, đầu tư xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	541	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng chênh lệch giữa số dư cuối kỳ - số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu: "Tài sản kết cấu hạ tầng" (MS 220), "TSCĐ tại đơn vị" (MS 230), "Mua sắm, xây dựng dở dang" (MS 240) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo, trong đó, không bao gồm biến động các tài sản kết cấu hạ tầng, TSCĐ tại đơn vị mà không phát sinh luồng tiền như biến động TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất tại các đơn vị mà quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp; TSCĐ, tài sản kết cấu hạ tầng và các tài sản khác mà việc tăng giảm các tài sản này là do điều chỉnh giá trị,..., không phải do mua mới, đầu tư mới, hoặc thanh lý, ... Sau đó trừ đi số liệu của các chỉ tiêu: "Khấu hao, hao mòn" (MS 512), "Tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác" (MS 542), "Tiền thu gốc khoản cho vay; thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư" (MS 544), "Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia" (MS 545) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng kỳ báo cáo.

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			Số liệu của chỉ tiêu này được trừ khỏi luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
II.2	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	542	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các chỉ tiêu: + "Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác" (MS 542) trên Báo cáo TCNN tỉnh. + "Tiền thu từ bán, thanh lý tài sản của Nhà nước" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN. + "Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc Trung ương. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư. Nếu số liệu chỉ tiêu này là số âm thì được trình bày dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
II.3	Tiền chi cho vay, góp vốn và đầu tư	543	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng chênh lệch giữa số dư cuối kỳ - số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu: "Đầu tư tài chính ngắn hạn" (MS 120), "Đầu tư tài chính dài hạn" (MS 190), "Cho vay ngắn hạn" (MS 150), "Cho vay dài hạn" (MS 210) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được trừ khỏi luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
II.4	Tiền thu gốc khoản cho vay; thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu	544	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các chỉ tiêu: + "Tiền thu gốc khoản cho vay; thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư" (MS 544) trên Báo cáo TCNN tỉnh.

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
	tư		+ "Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư góp vốn" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc Trung ương. + "Tiền thu hồi các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm" (nếu có) trên Báo cáo CCTTTC của BHXH. + "Tiền thu hồi vốn của Nhà nước" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN. (Không bao gồm số tiền thu gốc các khoản cho vay, góp vốn, đầu tư phát sinh từ giao dịch nội bộ trên Báo cáo CCTTTC của BHXH). Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư.
II.5	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	545	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các chỉ tiêu: + "Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia" (MS 545) trên Báo cáo TCNN tính. + "Tiền thu từ lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc Trung ương. + "Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư Quỹ bảo hiểm" (nếu có) trên Báo cáo CCTTTC của BHXH. + "Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN. - Sau đó, loại trừ khoản tiền thu lãi các khoản đầu tư, cho vay, góp vốn phát sinh từ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			giao dịch nội bộ trên Báo cáo CCTTTC của BHXH. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư.
II.6	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (II.1 + II.2 + II.3 + II.4 + II.5)	546	= MS 541 + MS 542 + MS 543 + MS 544 + MS 545. Nếu số liệu chỉ tiêu này là số âm, thì được trình bày dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	560	
III.1	Tiền thu từ khoản đi vay	561	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng chênh lệch cuối kỳ - đầu kỳ của các chỉ tiêu "Nợ vay ngắn hạn" (MS 291), "Nợ vay dài hạn" (MS 301) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo. Sau đó, trừ đi số liệu các chỉ tiêu "Tiền chi từ hoàn trả khoản gốc vay" (MS 562), "Tiền thu từ hoạt động tài chính khác" (MS 563), "Tiền chi hoạt động tài chính khác" (MS 564), "Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá" (MS 590) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng kỳ báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động tài chính.
III.2	Tiền chi từ hoàn trả khoản gốc vay	562	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng các chỉ tiêu: + "Tiền chi từ hoàn trả khoản gốc vay" (MS 562) trên Báo cáo TCNN tỉnh. + "Tiền hoàn trả gốc vay" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc Trung ương.

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			+ "Tiền gốc vay đã trả trong năm" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN. Số liệu chỉ tiêu này được trừ khỏi luồng tiền thuần từ hoạt động tài chính và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
III.3	Tiền thu từ hoạt động tài chính khác	563	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu: + "Tiền thu từ hoạt động tài chính khác" (MS 563) trên Báo cáo TCNN tỉnh. + "Tiền nhận góp vốn" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc Trung ương. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động tài chính.
III.4	Tiền chi từ hoạt động tài chính khác	564	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu: + "Tiền chi từ hoạt động tài chính khác" (MS 564) trên Báo cáo TCNN tỉnh. + "Các khoản đã phân phối cho chủ sở hữu" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc Trung ương. Số liệu chỉ tiêu này được trừ khỏi luồng tiền thuần từ hoạt động tài chính và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
III.5	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (III.1 + III.2 + III.3 + III.4)	565	= MS 561 + MS 562 + MS 563 + MS 564.
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (I.3 + II.6 + III.5)	570	= MS 521 + MS 546 + MS 565. Nếu số liệu chỉ tiêu này là số âm thì được ghi trong ngoặc đơn.

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
V	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	580	Số liệu của chỉ tiêu này được lấy từ số đầu kỳ của chỉ tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền" (MS 110) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo.
VI	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	590	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu: + "Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá" (MS 590) trên Báo cáo TCNN tỉnh. + "Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc Trung ương. + "Số chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN. Trường hợp lãi tỷ giá thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số dương; trường hợp lỗ tỷ giá thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (IV + V + VI)	600	= MS 570 + MS 580 + MS 590. Đồng thời, số liệu của chỉ tiêu này bằng số dư cuối kỳ của chỉ tiêu "Tiền và tương đương tiền" trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cùng kỳ báo cáo.
PHẦN II: BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỈNH			
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	500	
I.1	Thặng dư/(Thâm hụt) trong	510	Số liệu của chỉ tiêu của này bằng chỉ tiêu "Thặng dư/Thâm hụt" (MS 420) trên Báo

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
	kỳ báo cáo		cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh cùng kỳ báo cáo.
I.2	Điều chỉnh các khoản:	511	= MS 512 + MS 513 + MS 514 + MS 515 + MS 516 + MS 517 + MS 520.
	<i>Khấu hao, hao mòn</i>	512	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu "Chi phí Khấu hao, hao mòn" (MS 413) trên Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh cùng kỳ báo cáo và được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo".
	<i>(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư</i>	513	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu: + "Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước" (MS 404) trên Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước tỉnh cùng kỳ báo cáo. + "Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác" (MS 542) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tỉnh cùng kỳ báo cáo. Số liệu này được trừ vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo". Trường hợp lãi thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn; trường hợp lỗ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số dương.
	<i>Chi phí lãi vay</i>	514	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu "Lãi" trên Báo cáo CCTTTC của Sở Tài chính.
	<i>(Tăng)/Giảm hàng tồn kho</i>	515	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng chênh lệch giữa số dư cuối kỳ và số dư đầu kỳ của chỉ tiêu "Hàng tồn kho" (MS 140) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh cùng kỳ báo cáo. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu số dư cuối kỳ nhỏ hơn số dư đầu kỳ; số liệu chỉ tiêu này được trừ vào "Thặng dư/Thâm hụt trong kỳ báo cáo" nếu số dư cuối kỳ lớn hơn hoặc bằng số dư đầu kỳ.

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			Trường hợp số dư cuối kỳ nhỏ hơn số dư đầu kỳ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số dương; trường hợp số dư cuối kỳ lớn hơn số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
	<i>(Tăng)/Giảm các khoản phải thu</i>	516	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng số dư cuối kỳ trừ đi số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu "Các khoản phải thu ngắn hạn" (MS 130), "Các khoản phải thu dài hạn" (MS 200), "Tài sản ngắn hạn khác" (MS 160), "Tài sản dài hạn khác" (MS 250) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh cùng kỳ báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu tổng số dư cuối kỳ nhỏ hơn tổng số dư đầu kỳ; số liệu chỉ tiêu này được trừ vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu tổng số dư cuối kỳ lớn hơn hoặc bằng tổng số dư đầu kỳ. Trường hợp tổng số dư cuối kỳ nhỏ hơn tổng số dư đầu kỳ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số dương; trường hợp tổng số dư cuối kỳ lớn hơn tổng số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
	<i>Tăng/(Giảm) các khoản phải trả</i>	517	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng số dư cuối kỳ trừ đi tổng số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu "Các khoản phải trả ngắn hạn khác" (MS 297) (không gồm các khoản phải trả lãi tiền vay) và "Các khoản phải trả dài hạn khác" (MS 307) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh cùng kỳ báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo". Trường hợp tổng số dư cuối kỳ nhỏ hơn tổng số dư đầu kỳ thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn; trường hợp tổng số dư cuối kỳ lớn hơn tổng số dư đầu kỳ thì chỉ tiêu này được trình bày là số dương.

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
	<i>Các khoản điều chỉnh khác</i>	520	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng: - Tổng số dư cuối kỳ trừ đi tổng số dư đầu kỳ của chỉ tiêu "Tài sản thuần" (MS 310) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tính cùng kỳ báo cáo. - Trừ đi tổng chênh lệch (cuối kỳ trừ đầu kỳ) tài sản kết cấu hạ tầng, TSCĐ tại đơn vị, các khoản đầu tư, cho vay mà không phát sinh luồng tiền. - Trừ đi các khoản: "(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư" (MS 513), "Chi phí lãi vay" (MS 514), "Thặng dư/Thâm hụt trong kỳ báo cáo" (MS 510) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tính cùng kỳ báo cáo. Số liệu này được cộng vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu dương, được trừ vào "Thặng dư/(Thâm hụt) trong kỳ báo cáo" nếu âm và được trình bày bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
I.3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu (I.1 + I.2)	521	= MS 510 + MS 511. Nếu số liệu này là số âm thì được ghi trong ngoặc đơn.
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	540	
II.1	Tiền chi mua sắm, đầu tư xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	541	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng chênh lệch giữa số dư cuối kỳ - số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu: "Tài sản kết cấu hạ tầng" (MS 220), "TSCĐ tại đơn vị" (MS 230), "Mua sắm, xây dựng dở dang" (MS 240) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tính cùng kỳ báo cáo, trong đó, không bao gồm biến động các tài

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			sản kết cấu hạ tầng, TSCĐ tại đơn vị mà không phát sinh luồng tiền như biến động TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất tại các đơn vị mà quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp; TSCĐ, tài sản kết cấu hạ tầng và các tài sản khác mà việc tăng giảm các tài sản này là do điều chỉnh giá trị,..., không phải do mua mới, đầu tư mới, hoặc thanh lý, ... Sau đó trừ đi số liệu các chỉ tiêu: "Khấu hao, hao mòn" (MS 512), "Tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác" (MS 542), "Tiền thu gốc khoản cho vay; thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư" (MS 544), "Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia" (MS 545) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tính cùng kỳ báo cáo. Số liệu của chỉ tiêu này được trừ khỏi luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
II.2	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	542	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu: + "Tiền thu từ bán, thanh lý tài sản của Nhà nước" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN được giao quản lý địa bàn tỉnh. + "Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc cấp tỉnh, cấp xã. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư. Nếu số liệu chỉ tiêu này là số âm, thì được trình bày dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
II.3	Tiền chi cho vay, góp vốn và đầu tư	543	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng chênh lệch giữa số dư cuối kỳ - số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu: "Đầu tư tài chính ngắn hạn" (MS 120), "Đầu tư tài

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			chính dài hạn" (MS 190), "Cho vay ngắn hạn" (MS 150), "Cho vay dài hạn" (MS 210) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh cùng kỳ báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được trừ khỏi luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
II.4	Tiền thu gốc khoản cho vay; thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư	544	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu: + "Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư góp vốn" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất thuộc cấp tỉnh, cấp xã. + "Tiền thu hồi vốn của Nhà nước" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN được giao quản lý địa bàn tỉnh. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư.
II.5	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	545	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu: + "Tiền thu từ lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc cấp tỉnh, cấp xã. + "Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN được giao quản lý địa bàn tỉnh. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động đầu tư.
II.6	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (II.1 + II.2	546	= MS 541 + MS 542 + MS 543 + MS 544 + MS 545. Nếu số liệu chỉ tiêu này là số âm, thì được trình bày dưới hình thức ghi trong ngoặc

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
	+ II.3 + II.4 + II.5)		đơn.
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	560	
III.1	Tiền thu từ khoản đi vay	561	Số liệu của chỉ tiêu này được xác định bằng tổng chênh lệch cuối kỳ - đầu kỳ của các chỉ tiêu "Nợ vay ngắn hạn" (MS 291), "Nợ vay dài hạn" (MS 301) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tính cùng kỳ báo cáo. Sau đó, trừ đi số liệu các chỉ tiêu "Tiền chi từ hoàn trả khoản gốc vay" (MS 562), "Tiền thu từ hoạt động tài chính khác" (MS 563), "Tiền chi hoạt động tài chính khác" (MS 564), "Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá" (MS 590) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tính cùng kỳ báo cáo. Số liệu chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động tài chính.
III.2	Tiền chi từ hoàn trả khoản gốc vay	562	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu: + "Tiền hoàn trả gốc vay" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc cấp tỉnh, cấp xã. + "Tiền gốc vay đã trả trong năm" trên Báo cáo CCTTTC của KBNN được giao quản lý địa bàn tỉnh. Số liệu chỉ tiêu này được trừ khỏi luồng tiền thuần từ hoạt động tài chính và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
III.3	Tiền thu từ hoạt động tài	563	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu: "Tiền nhận góp vốn" trên Báo

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
	chính khác		cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc cấp tỉnh, cấp xã. Số liệu của chỉ tiêu này được cộng vào luồng tiền thuần từ hoạt động tài chính.
III.4	Tiền chi từ hoạt động tài chính khác	564	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ chỉ tiêu "Các khoản đã phân phối cho chủ sở hữu" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc cấp tỉnh, cấp xã. Số liệu chỉ tiêu này được trừ khỏi luồng tiền thuần từ hoạt động tài chính và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
III.5	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (III.1 + III.2 + III.3 + III.4)	565	= MS 561 + MS 562 + MS 563 + MS 564.
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (I.3 + II.6 + III.5)	570	= MS 521 + MS 546 + MS 565. Nếu số liệu chỉ tiêu này là số âm thì được ghi trong ngoặc đơn.
V	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	580	Số liệu của chỉ tiêu này được lấy từ số đầu kỳ của chỉ tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền" (MS 110) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh cùng kỳ báo cáo.
VI	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	590	Số liệu của chỉ tiêu này được tổng hợp từ các chỉ tiêu: + "Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá" trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất/Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các đơn vị kế toán cấp trên cao nhất, đơn vị kế toán độc lập thuộc cấp tỉnh, cấp xã. + "Số chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ" trên Báo cáo

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phương pháp lập
			CCTTTC của KBNN được giao quản lý địa bàn tỉnh. Trường hợp lãi tỷ giá thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số dương; trường hợp lỗ tỷ giá thì số liệu chỉ tiêu này được trình bày là số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (IV+V+VI)	600	= MS 570 + MS 580 + MS 590. Đồng thời, số liệu của chỉ tiêu này bằng số dư cuối kỳ của chỉ tiêu “Tiền và tương đương tiền” trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh.